

**Bản án số: 134/2021/HS-ST**

Ngày: 17/6/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TAND Q. HD, THÀNH PHỐ H**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị N M*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công T và bà Nguyễn Thị T*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều O - thư ký*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu G - Kiểm sát viên.*

Ngày 17/6/2021, tại Trụ sở TAND Q. H, TP H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2021/TLST-HS ngày 07/5/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXXST-HS ngày 01/6/2021 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Trần Văn C (tên gọi khác: Huy) - SN: 1996;** HKTT: Thôn TP, xã Vm, huyện TS, tỉnh PT; Chỗ ở: 307 Phạm Văn Đồng, phường XD, quận BTL, H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Trần Văn V (đã chết); con bà Trần Thị L - SN: 1957; Anh, chị, em ruột: Có 5 người, bị cáo là thứ 5; Vợ Phan Thị T- SN 1997 (đã ly hôn), có 01 con SN 2015; Tiền án, tiền sự: không.

**\*Nhân thân:** Bản án số 50/2015/HSST ngày 26/3/2015 của TAND quận BTL, H xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 2009, nay là khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (khi phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 7 tháng 9 ngày). Chấp hành xong hình phạt ngày 09/01/2018 và thuộc trường hợp không bị coi là có án tích.

Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2020 đến nay tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H.

**2. Họ và tên: Nguyễn Văn N - SN: 1993;** HKTT: thôn PB, xã ĐL, huyện SD, tỉnh TQ; Chỗ ở: Đội 7, thôn B, xã KC, huyện ĐA, thành phố H; Dân tộc: Cao Lan; Nghề

nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Văn M - SN: 1970; con bà Trần Thị H - SN: 1972; Anh, chị, em ruột: có 3 người bị cáo là lớn nhất; Vợ Phạm Thị N - SN 1998, chưa có con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2020 đến ngày 06/02/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

\* Người bị hại:

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1997; Trú tại: Ngõ 15, tổ 8, phường PL, Hà Đông, Hà Nội. Xin vắng mặt.

- Chị Lê Thị Bích H, sinh năm 1979 và anh Vương Văn T, sinh năm 1976; Trú tại: Số 25, ngõ 9, tổ 8 phường PL, Hà Đông, Hà Nội. Có mặt.

- Anh Vũ Thành K, sinh năm 1996; ĐKTT: C4, Xã TH, huyện DB, tỉnh DB; Trú tại: Số nhà 43, ngõ 99/110/23 phường ĐCH, quận HM, H. Xin vắng mặt.

- Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1996; ĐKTT: Xã YN, huyện YY, tỉnh ND; Trú tại: Số nhà 43, ngõ 99/110/23 phường ĐCH, quận HN, H. Xin vắng mặt.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Trọng H, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn B, KC, ĐA, H. Xin vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N quê ở tỉnh Tuyên Quang (hiện ở thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội làm nghề lái xe taxi, N quen biết với Trần Văn C quê ở tỉnh Phú Thọ (hiện ở 307 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm) và biết C đã bị đi tù về tội “Trộm cắp tài sản”, N có hẹn với C nếu đi trộm cắp thì cho N đi cùng, C đồng ý.

Tối ngày 12/12/2020 C điện thoại cho N bảo sang công viên Hòa Bình, thuộc quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội đón C đi chơi. N lái xe taxi BKS: 88A-137.73 đến thì thấy C và 01 nam thanh niên (sau biết là Sầm Văn Đ quê ở huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc) lên xe. Đ và C bảo N cứ đi lòng vòng, sau đó N lái xe đi qua khu vực Mễ Trì - Nam Từ Liêm, Thanh Xuân và sau đó quay lại công viên Hòa Bình, rồi N về nhà. Khi đó, N biết Đ và C đi tìm sơ hở để trộm cắp tài sản.

Khoảng 22 giờ ngày 13/12/2020, C điện thoại cho N nói “tôi nay đi làm nhé”, N hiểu ý là đi trộm cắp và đồng ý. Khoảng 00 giờ ngày 14/12/2020, N điều khiển taxi từ Kim Chung- Đông Anh sang khu vực Công viên Hòa Bình gặp C và Đ. Sau đó, C bảo đi xuống khu vực Hà Đông- Hà Nội. Khi đi đến khu vực tổ 8, phường PL, quận Hà Đông, C bảo N dừng xe và ở ngoài đợi, còn C và Đ xuống xe đi bộ sâu vào trong ngõ. Khi đến ngõ 15, tổ 8, phường PL, Hà Đông, C và Đ quan sát thấy 01 xe máy cắm cả chum chìa khóa ở ổ khóa xe, Đ lấy 01 gậy tre và 01 móc quần áo ở gần đó để lấy chum chìa khóa ở xe máy, dùng chum chìa khóa này mở cửa xếp sắt vào trong nhà, C đứng ngoài cảnh giới. Sau đó, Đ nói rằng trộm được 01 điện thoại di động Oppo A5 2020 màu trắng của chị Trần Thị Nhung.

Khoảng 10 phút sau, cả hai tiếp tục đến số 25, ngõ 9, tổ 8 phường PL, Hà Đông, Đ và C quan sát thấy cửa cổng và cửa tầng 1 khóa, còn cửa phòng tầng 2 khép, C và Đ trèo vào trong, C làm nhiệm vụ cảnh giới, Đ trèo lên thang nhôm vào tầng 2 trộm được 02 điện thoại di động (01 điện thoại Vivo V9 màu đen, 01 điện thoại Noika 3 màu trắng) và 01 va-li khóa số màu đen của nhà của vợ chồng chị Lê Thị Bích Hợp và anh Vương Văn Tâm.

Sau khi trộm cắp được tài sản trên, C và Đ đi ra chỗ N đỗ xe ô tô, trên xe N nghe thấy Đ nói lấy được 03 điện thoại di động và 01 va li, Đ và C bảo N lái xe ra chỗ vắng để đập va-li xem trong có gì. N đã lái xe vào khu Cụm công nghiệp Thanh Oai, Đ và C xuống xe đập va-li đến khi vali có lỗ hở, C thò tay vào móc ra được 1 tờ 200.000đ; Đ và C tiếp tục xách valy quay trở lại xe. Lúc này, trên xe C và Đ cùng moi tiền ra và nói trong va-li có 46.000.000 đồng, C chia đều mỗi người được 15.000.000 đồng và C đưa cho N 1.000.000 đồng bảo trả tiền taxi. Đồng thời, C đưa N 03 điện thoại di động (01 điện thoại Oppo A5 2020 màu trắng; 01 điện thoại Vivo V9 màu đen và 01 điện thoại Noika 3 màu trắng) bảo đem về bán được bao nhiêu chia đều cho cả ba, sau đó tất cả về nhà. Trưa ngày 14/12/2020 N cầm 03 điện thoại di động trên đến bán cho anh Bùi Trọng H - SN 1982 - chủ Cửa hàng điện thoại ở Đội 7, thôn B, xã KC, huyện ĐA được 2.400.000 đồng, số tiền này N vẫn cầm và chưa chia cho C và Đ.

Ngày 14/12/2020, C tiếp tục điện thoại rủ N đi trộm cắp, N đồng ý. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 15/12/2020, N điều khiển xe taxi BKS: 88A-137.73 đón C và Đ tại công viên Hòa Bình; tại đây C bảo N đi ra khu vực Hoàng Mai; khi đến khu vực ngõ 99 ĐCH, phường ĐC, quận HM, Hi, C và Đ bảo N dừng xe ở đầu ngõ ngồi đợi, còn C và Đ xuống xe đi bộ vào trong ngõ để xem có ai sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến dãy phòng trọ ở số 43, ngách 99/110/23 ĐCH phát hiện 01 phòng trọ không khóa cửa, C đứng ngoài cảnh giới,

Đ vào phòng trọ lấy trộm được 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell inspiron 5559 màu bạc của anh Vũ Thành K - SN: 1996 quê ở xã Thanh Hưng, huyện DB, tỉnh DB và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell inspiron N3537 màu đen của anh Trịnh Văn Hiếu - SN: 1996 quê ở xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Sau đó cả ba đi về, C và Đ đưa 02 máy tính xách tay trộm được và bảo N đem bán, nhưng N chưa bán được.

Sau khi bị mất trộm, chị Trần Thị Nhung, chị Lê Thị Bích H, anh Vũ Thành K và Trịnh Văn H đã trình báo Cơ quan CSĐT Công an quận H. Ngày 04/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an quận H có văn bản gửi Cơ quan CSĐT Công an quận HM thông báo và đề nghị tiếp nhận vụ trộm trên để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 20/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an quận HM đề nghị Cơ quan CSĐT Công an quận H điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng vụ án đã thu giữ:

1. *Nguyễn Văn N giao nộp*: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell inspiron 5559 màu bạc; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell inspiron N3537 màu đen; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 Grand màu bạc BKS: 88A-137.73 và số tiền 18.400.000 đồng;

2. *Trần Văn C giao nộp*: số tiền 12.500.000 đồng;

3. *Anh Bùi Trọng H tự nguyện giao nộp*: 03 điện thoại di động (01 điện thoại Oppo A5 2020 màu trắng, 01 điện thoại Vivo V9 màu đen và 01 điện thoại Noika 3 màu trắng).

Ngày 18/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an quận H có văn bản yêu cầu định giá tài sản chiếm đoạt của 02 vụ trộm trên. Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 356/KL-HĐĐGTS ngày 22/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận H (bút lục 60 đến 63), kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5 2020 màu trắng, ram 3Gb, bộ nhớ 64Gb, trị giá 1.800.000 đồng;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3 màu trắng, ram 2Gb, bộ nhớ 16Gb, trị giá 500.000 đồng;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V9 màu đen, ram 4Gb, bộ nhớ 64Gb, trị giá 1.500.000 đồng;

- 01 chiếc laptop nhãn hiệu Dell inspiron 5559 màu bạc, ram 8Gb, bộ nhớ 128Gb, Core i5, trị giá 5.000.000 đồng;

- 01 chiếc laptop nhãn hiệu Dell inspiron N3537 màu đen, ram 12Gb, bộ nhớ 628Gb, Core i5, trị giá 2.000.000 đồng.

**Tổng giá trị tài sản tại thời điểm định giá là: 10.800.000 đồng.**

Riêng chiếc va-li khóa số màu đen, Nguyễn Văn N khai trên đường từ công viên Hòa Bình về phòng trọ của mình N đã vứt va-li ở đường, không rõ địa điểm nào nên không thu được. Người bị hại chị Lê Thị Bích H trình bày va-li không có giá trị, không đề nghị định giá và yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKS-HĐ ngày 06/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Tại phiên tòa:**

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã nêu và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 24 đến 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2020 đến ngày 06/02/2021

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Hai bị cáo có trách nhiệm liên đới trả người bị hại số tiền là  $46:2 = 23.000.000$ đ; tại phiên tòa, bị cáo N đã trả chị Hợp toàn bộ số tiền chiếm đoạt, buộc bị cáo C phải bồi thường số tiền còn lại (được đối trừ số tiền đã nộp).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hoàn toàn đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào sáng ngày 14, 15/12/2020, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản là chị Trần Thị N, ở ngõ 15, tổ 8, phường PL, H, H; chị Lê Thị Bích H, ở số 25, ngõ 9, tổ 8 phường PL, H; anh Vũ Thành K và anh Trịnh Văn H ở trọ tại số 43, ngách 99/110/23 ĐCH, phường ĐC, HM, H. Đ, C, N đã trộm cắp tài sản là: 01 điện thoại di động Oppo A5 2020 màu trắng; 01 điện thoại Vivo V9 màu đen; 01 điện thoại Nokia 3 màu trắng; 01 vali khóa số màu đen; 01 máy tính xách tay hiệu Dell inspriron 5559 màu bạc; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell inspriron N3537 màu đen trị giá 10.800.000 đồng cùng số tiền chiếm đoạt chứng minh được là 46.000.000đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt cả 2 vụ trộm là 56.800.000đồng.

[3]. Hành vi trên của các bị cáo là trái phép, đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H truy tố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Do vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo.

Xét vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn; trong đó, C là người chủ mưu, chủ động sắp xếp, lựa chọn thời gian, địa điểm phạm tội; C cùng Đ trực tiếp thực hiện hành vi và cảnh giới cho Đ thực hiện hành vi, bản thân C có nhân thân xấu nên phải chịu hình phạt cao hơn N; N đóng vai trò là người giúp sức và trực tiếp đi tiêu thụ tài sản phạm tội nên cũng phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình. Các bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, sau khi phạm tội các bị cáo đã tự ra đầu thú, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; bị cáo N phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử cũng xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Đối với Sầm Văn Đ sau khi gây án đã bỏ trốn khỏi địa phương, đã bị truy nã nhưng chưa bắt được. Ngày 13/4/2021, Cơ quan CSĐT Công an quận Hà Đông ra quyết định tách vụ án hình sự để điều tra xử lý sau đối với Đ, là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị N, anh Vũ Thành K, anh Trịnh Văn H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì.

Chị Lê Thị Bích H và anh Vương Văn T đã nhận lại tài sản 02 điện thoại di động và 35.500.000 đồng và yêu cầu các bị cáo trả 39.500.000đ; tại phiên tòa chị H và anh T

đồng ý mức bồi thường 46.000.000đ; như vậy phần của mỗi bị cáo là 23.000.000đ; bị cáo N đã bồi thường 23.000.000đ; bị cáo C đã bồi thường 12.500.000đ; cần buộc bị cáo C bồi thường trả anh chị TH số tiền còn lại là 10.500.000đ.

- Đối với Bùi Trọng H là người mua 03 điện thoại di động do Trần Văn C và đồng bọn chiếm đoạt. Tuy nhiên, khi mua anh H không biết các điện thoại này là do phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý. Anh H đã nộp 03 điện thoại và đã được Cơ quan điều tra trả lại số tiền 2.400.000 đồng là có căn cứ.

- Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 Grand màu bạc BKS: 88A-137.73 tạm giữ của Nguyễn Văn N. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu của anh Nguyễn Như P- SN: 1985, trú tại: xóm Đoài, xã KN, huyện ĐA, H (xe mua năm 2016 của Công ty cổ phần taxi Thành Công Vĩnh Phúc, địa chỉ: khu 4, Tiến Châu, Phúc Yên, Vĩnh Phúc để kinh doanh vận tải taxi). Anh P có thuê Nguyễn Văn N chạy xe ban đêm (lợi nhuận N được hưởng 40%); việc N sử dụng xe chở đồng bọn đi trộm cắp tài sản anh không hề biết; xe có đủ giấy tờ hợp lệ. Ngày 11/01/2021, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý trả xe ô tô cho anh Phú là đúng pháp luật.

- Về 02 chiếc điện thoại các bị cáo dùng để liên lạc, rủ nhau phạm tội; quá trình điều tra xác định các bị cáo đã làm mất 02 chiếc điện thoại trên, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn N phạm tội: Trộm cắp tài sản.

**2. Về điều luật và hình phạt:**

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm

2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn C36 (**Ba mươi sáu**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 16/12/2020 đến ngày 06/02/2021)

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Trần Văn C bồi thường cho chị Lê Thị Bích H và anh Vương Văn T số tiền 10.500.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**4. Về án phí:** Bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000đ án phí HSST và 525.000đ án phí DSST; bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ án phí HSST.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Công an quận Hà Đông;
- Cơ quan THADS quận Hà Đông;
- Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Mai**